

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

Số: 2 6 8 /QĐ-DKVN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Quy định quản lý đầu tư
ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí**

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 132/2024/NĐ-CP ngày 15/10/2024 của Chính phủ Quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 36/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế quản trị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành tại Quyết định số 5377/QĐ-DKVN ngày 27/7/2024, bao gồm các sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 9411/QĐ-DKVN ngày 16/12/2024 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị thành viên Tập đoàn;

Căn cứ Quyết định số 9412/QĐ-DKVN ngày 16/12/2024 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Ủy quyền ký ban hành văn bản của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc PVN tại công văn số 12/CVNB-LMC ngày 9/12/2024 và công văn số 28/CVNB-LMC ngày 26/12/2024,



QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Người đại diện phần vốn của PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (VSP) có trách nhiệm tổ chức rà soát, xây dựng/sửa đổi quy định nội bộ để quản lý đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp với Quyết định này và các quy định liên quan khác của PVN.

Điều 4. Tổng Giám đốc PVN, Chánh Văn phòng/Trưởng các Ban liên quan của PVN, Người đại diện của PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *lth* *ĐV* *ĐV*

- Chủ tịch HĐQT PVN (để b/c);
- Các TV HĐQT PVN;
- TGD PVN;
- Các P.TGD PVN;
- Ban Kiểm soát PVN (e-copy);
- Các Ban/VP PVN (e-copy);
- Ban QLHĐ PVN;
- TGD VSP, Người đại diện của PVN tại DN có vốn góp của PVN (Ban QLHĐ t/b);
- Lưu: VT, HĐQT (b).

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TUQ. CHỦ TỊCH
THÀNH VIÊN HĐQT**



Trần Bình Minh



QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI TRONG HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 268 /QĐ - ĐKVN ngày 10 tháng 01 năm 2025
của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định quản lý đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí được xây dựng và ban hành nhằm thống nhất quy định về hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư Dự án dầu khí ở nước ngoài của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVN"), các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro (sau đây gọi tắt là "VSP/Liên doanh") đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam và quy định nội bộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này điều chỉnh hoạt động đầu tư và quản lý Dự án dầu khí ở nước ngoài của PVN, các doanh nghiệp có vốn góp của PVN hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và VSP theo các hình thức đầu tư được quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các điều chỉnh, sửa đổi (nếu có).

2. Hoạt động đầu tư và quản lý Dự án dầu khí ở nước ngoài trong Quy định này bao gồm các hoạt động từ khâu tìm kiếm cơ hội, lập báo cáo đề xuất dự án đầu tư, thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư/điều chỉnh đầu tư, triển khai thực hiện, chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng, giám sát thực hiện và kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí theo quy định pháp luật Việt Nam đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và quy định nội bộ của PVN.

3. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để thực hiện hoạt động dầu khí tại Việt Nam không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này và sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của PVN.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. PVN;
2. Người đại diện PVN tại công ty hoạt động ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn góp của PVN hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí;
3. Tổng Giám đốc VSP;

4. Các tổ chức, cá nhân tham gia và/hoặc liên quan đến hoạt động đầu tư và quản lý Dự án dầu khí ở nước ngoài được quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Ban Chức năng* là Văn phòng và các Ban chuyên môn thuộc bộ máy điều hành của PVN;

2. *Báo cáo đánh giá cơ hội đầu tư* là tài liệu do Nhà đầu tư lập để trình Cấp có thẩm quyền chấp thuận cho phép tham dự vòng đấu thầu, phương án đàm phán tham gia Dự án dầu khí;

3. *Báo cáo đề xuất dự án đầu tư* là tài liệu do Nhà đầu tư lập để trình Cấp có thẩm quyền chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư, chủ trương đầu tư ra nước ngoài và/hoặc quyết định đầu tư Dự án dầu khí;

4. *Báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư* là tài liệu do Nhà đầu tư lập để trình Cấp có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh thực hiện hoạt động đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài và/hoặc điều chỉnh nội dung quyết định đầu tư Dự án dầu khí;

5. *Báo cáo đề xuất chuyển nhượng* là tài liệu do Nhà đầu tư lập để trình Cấp có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng Dự án dầu khí;

6. *Báo cáo kết thúc hoạt động đầu tư* là tài liệu do Nhà đầu tư lập để trình Cấp có thẩm quyền quyết định kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí/kết thúc Dự án dầu khí;

7. *Cấp có thẩm quyền* là cấp có quyền hoặc được phân cấp, ủy quyền hoặc được giao chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư, điều chỉnh thực hiện hoạt động đầu tư, chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, điều chỉnh nội dung quyết định đầu tư, quyết định chuyển nhượng, quyết định kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí/kết thúc Dự án dầu khí, phê duyệt quyết toán chi phí Dự án dầu khí, được đề cập tại Quy định này;

8. *Công ty hoạt động ở nước ngoài* trong Quy định này là doanh nghiệp được thành lập ở nước ngoài có vốn góp của PVN hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí;

9. *Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam* (viết tắt là *Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc PVN*) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và được chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

10. *Cơ quan đại diện chủ sở hữu* là cơ quan, tổ chức được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do

TV

lsh



Chính phủ quyết định thành lập hoặc được giao quản lý và thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

11. *Cơ quan quản lý* là Cơ quan được thành lập theo quy định của hợp đồng dầu khí, thỏa thuận hoặc các quy định khác theo pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư nhằm quản lý, giám sát đối với hoạt động của Dự án dầu khí theo thẩm quyền được quy định, có thể là Ủy ban Quản lý, Hội đồng Thành viên, Đại hội Thành viên, Đại hội Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị;

12. *Doanh nghiệp có vốn góp của PVN* trong Quy định này là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam có vốn góp của PVN hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí;

13. *Dự án dầu khí* trong Quy định này là dự án đầu tư để tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí ở nước ngoài;

14. *Người đại diện PVN* là Người đại diện của PVN tại doanh nghiệp khác, gồm:

a) Người đại diện phần vốn của PVN tại công ty hoạt động ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn góp của PVN (sau đây gọi là Người đại diện phần vốn PVN);

b) Người đại diện được PVN cử/giới thiệu để giữ chức danh trong Ban điều hành, Ban Kiểm soát của công ty hoạt động ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn góp của PVN và đã được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp, công ty đó thông qua/bổ nhiệm (sau đây gọi là Người đại diện điều hành PVN);

15. *Nhà đầu tư* trong Quy định này là PVN, doanh nghiệp có vốn góp của PVN hoặc VSP thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí. PVN là Nhà đầu tư đối với Dự án dầu khí do công ty hoạt động ở nước ngoài của PVN triển khai, thực hiện;

16. *Vốn đầu tư ra nước ngoài (VDTRNN)* là tiền và tài sản hợp pháp khác của Nhà đầu tư, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay tại Việt Nam chuyển ra nước ngoài, chi phí thu hồi, lợi nhuận và các khoản được chia từ Dự án dầu khí được giữ lại để thực hiện tái đầu tư ở nước ngoài;

17. *VSP* là Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro được thành lập theo pháp luật Việt Nam trên cơ sở Hiệp định giữa Chính phủ CHXH Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí trên thềm lục địa CHXH Việt Nam trong khuôn khổ Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" ký ngày 27 tháng 10 năm 2010 (Hiệp định Liên Chính phủ), trong đó PVN là một Phía tham gia trong VSP (Phía tham gia Việt Nam trong VSP).

Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm không được quy định hay giải thích trong Quy định này sẽ được giải nghĩa theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVN và quy định pháp luật.



CHƯƠNG II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU KHÍ Ở NƯỚC NGOÀI

Mục 1

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU KHÍ Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Nguyên tắc phân cấp thẩm quyền Dự án dầu khí

1. Thẩm quyền quyết định Dự án dầu khí được phân cấp theo nguyên tắc Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư Dự án dầu khí là Cấp có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng, điều chỉnh nội dung quyết định đầu tư và kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí.

2. Hội đồng Thành viên PVN phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện phần vốn PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP thực hiện một số quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng Thành viên PVN quy định tại Mục 1 Chương II Quy định này.

3. Người được phân cấp, ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện theo đúng nội dung, phạm vi được phân cấp, ủy quyền, tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ PVN, quy định nội bộ của PVN liên quan đến nội dung được phân cấp, ủy quyền. Người được phân cấp chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ phát sinh theo quy định pháp luật trong trường hợp người được phân cấp vi phạm các quy định pháp luật, quy định nội bộ của PVN khi thực hiện các nội dung phân cấp, ủy quyền hoặc thực hiện vượt quá phạm vi được phân cấp, ủy quyền.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định của Hội đồng Thành viên PVN đối với Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư

Hội đồng Thành viên PVN có trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn như sau:

1. Đối với Dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư (VĐTRNN từ 800 tỷ đồng trở lên).

a) Thông qua, trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét chấp thuận PVN thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài để trình Cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư.

b) Quyết định đầu tư theo quy định pháp luật khi Cấp có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền hoặc có yêu cầu và sau khi Cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư.

2. Đối với Dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư (VĐTRNN dưới 800 tỷ đồng).

a) Thông qua, trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận PVN thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

b) Quyết định đầu tư cho Dự án dầu khí sau khi có văn bản chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định của Hội đồng Thành viên PVN đối với Dự án dầu khí của doanh nghiệp có vốn góp của PVN

Hội đồng Thành viên PVN có trách nhiệm, quyền hạn như sau:

1. Đối với Dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư (VĐTRNN từ 800 tỷ đồng trở lên).

a) Chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài để Người đại diện phần vốn PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN quyết định đầu tư/biểu quyết thông qua việc ra quyết định đầu tư cho Dự án dầu khí làm cơ sở trình Cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật.

b) Đối với Dự án dầu khí của công ty con do PVN nắm giữ 100% vốn điều lệ có vốn đầu tư ra nước ngoài vượt quá dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công, Hội đồng Thành viên PVN trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét thông qua trước khi chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Đối với Dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư (VĐTRNN dưới 800 tỷ đồng).

Giao Người đại diện phần vốn PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài để doanh nghiệp có vốn góp của PVN quyết định đầu tư Dự án dầu khí theo quy định pháp luật.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định của Hội đồng Thành viên PVN đối với Dự án dầu khí của VSP

1. Đối với Dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư (từ VĐTRNN 800 tỷ đồng trở lên).

a) Đối với Dự án dầu khí đã được Hội đồng Liên doanh (Hội đồng VSP) thông qua tại Biên bản của Hội đồng VSP với các nội dung chấp thuận về mục tiêu, địa điểm đầu tư, vốn đầu tư ra nước ngoài, nguồn vốn đầu tư... VSP chuẩn bị hồ sơ và thực hiện các thủ tục đầu tư để trình Cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật.

b) Đối với Dự án dầu khí chưa được Hội đồng VSP thông qua tại Biên bản của Hội đồng VSP với những nội dung chấp thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và VSP phải trình các Phía tham gia của VSP chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài:

Tổng Giám đốc VSP tổ chức đánh giá, lập báo cáo trình các Phía tham gia trong Liên doanh xem xét có ý kiến về việc chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Hội đồng Thành viên PVN thông qua để Phía tham gia Việt Nam trong VSP chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với Dự án dầu khí của VSP.

Sau khi nhận được chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các Phía tham gia trong Liên doanh, VSP chuẩn bị hồ sơ và thực hiện các thủ tục đầu tư để trình Cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc VSP có trách nhiệm đưa Dự án dầu khí



đã được các Phía tham gia chấp thuận vào chương trình nghị sự của kỳ họp gần nhất để Hội đồng VSP thông qua.

2. Đối với Dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư (VĐTRNN dưới 800 tỷ VNĐ).

a) Đối với Dự án dầu khí đã được Hội đồng VSP thông qua tại Biên bản của Hội đồng VSP với những nội dung chấp thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, VSP chuẩn bị hồ sơ và thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định pháp luật.

b) Đối với Dự án dầu khí chưa được Hội đồng VSP thông qua tại Biên bản của Hội đồng VSP với những nội dung chấp thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và VSP phải trình các Phía tham gia của VSP chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài:

Hội đồng Thành viên PVN giao Tổng Giám đốc VSP tổ chức đánh giá, lập báo cáo và thay mặt PVN (Phía tham gia Việt Nam trong VSP) chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Sau khi nhận được chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các Phía tham gia trong Liên doanh, VSP chuẩn bị hồ sơ và thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc VSP có trách nhiệm đưa Dự án dầu khí đã được các Phía tham gia trong Liên doanh chấp thuận vào chương trình nghị sự của kỳ họp gần nhất để Hội đồng VSP thông qua.

3. Quyết định đầu tư cho Dự án dầu khí đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo Hiệp định Liên Chính phủ, Nghị định thư sửa đổi Hiệp định Liên Chính phủ, Điều lệ của VSP và Biên bản Hội đồng VSP.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc PVN

1. Tổng Giám đốc PVN ký ban hành quyết định đầu tư, chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư đối với các Dự án dầu khí theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng Thành viên PVN.

2. Đối với Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư, Tổng Giám đốc PVN chỉ đạo tổ chức thực hiện các công việc để hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và hoàn thiện các văn bản, hồ sơ liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định của Người đại diện phần vốn PVN, Tổng Giám đốc VSP

1. Người đại diện phần vốn PVN tại các doanh nghiệp có vốn góp PVN có trách nhiệm và quyền hạn như quy định tại Điều 7 và quy định khác trong Quy định này.

2. Người đại diện phần vốn PVN tại công ty hoạt động ở nước ngoài thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm quyền hạn của cổ đông hoặc thành viên góp vốn vào doanh nghiệp hoặc dự án để quyết định và/hoặc biểu quyết quyết định/phê duyệt đầu tư Dự án dầu khí theo quy định pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư và quy định của doanh



nghiệp hoặc thỏa thuận về Dự án dầu khí mà PVN là thành viên hoặc cổ đông góp vốn khi được Hội đồng Thành viên PVN phân cấp, ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ.

3. Tổng Giám đốc VSP thực hiện trách nhiệm và quyền hạn như quy định tại Điều 8 và quy định khác trong Quy định này.

Mục 2

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CÁC BAN CHỨC NĂNG PVN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PVN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC VSP TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN DẦU KHÍ Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 11. Chức năng, nhiệm vụ của các Ban chức năng PVN trong quản lý Dự án dầu khí

1. Ban Tìm kiếm Thăm dò dầu khí

a) Các cơ hội/dự án tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng mà PVN là Nhà đầu tư:

(i) Đầu mỗi lập, đánh giá kỹ thuật và giám sát triển khai các dự án tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng;

(ii) Đầu mỗi lập, báo cáo Tổng Giám đốc PVN kế hoạch triển khai công việc trong 05 năm đầu tiên hoặc giai đoạn đầu tiên của dự án mà PVN là Nhà đầu tư (tùy thời hạn nào đến trước) đối với các dự án thăm dò, thăm lượng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 20 của Quy định này;

(iii) Đầu mỗi lập các báo cáo: Báo cáo đánh giá cơ hội đầu tư, Báo cáo đề xuất đầu tư, Báo cáo đề xuất đầu tư điều chỉnh, Báo cáo kết thúc giai đoạn 05 năm đầu tiên/chuyển giai đoạn/chuyển nhượng/cập nhật kết quả tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng/tạm dừng, giãn tiến độ/kết thúc dự án tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng;

(iv) Theo dõi dự án phù hợp với lĩnh vực chuyên môn.

b) Dự án tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng của VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN:

(i) Đầu mỗi thực hiện các thủ tục thẩm định Báo cáo đề xuất đầu tư, Báo cáo đề xuất điều chỉnh đầu tư dự án tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng theo quy định nội bộ của PVN (báo cáo của VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN trình PVN xem xét theo thẩm quyền);

(ii) Đầu mỗi/phối hợp xem xét, xử lý báo cáo chuyển giai đoạn/tạm dừng, giãn tiến độ/kết thúc dự án tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng và các báo cáo khác của các dự án tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng (nếu PVN yêu cầu VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN thực hiện các báo cáo này).

2. Ban Khai thác Dầu khí

a) Các cơ hội/dự án phát triển, khai thác, mua/bán tài sản mà PVN là Nhà đầu tư:

(i) Đầu mỗi lập, đánh giá kỹ thuật và giám sát triển khai các dự án phát triển, khai thác;







(ii) Đầu mỗi lập, báo cáo Tổng Giám đốc PVN kế hoạch triển khai công việc trong 05 năm đầu tiên hoặc giai đoạn đầu tiên của dự án mà PVN là Nhà đầu tư (tùy thời hạn nào đến trước) đối với các dự án phát triển, khai thác phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 20 của Quy định này;

(iii) Đầu mỗi lập các báo cáo: Báo cáo đánh giá cơ hội đầu tư, Báo cáo đề xuất đầu tư, Báo cáo đề xuất điều chỉnh đầu tư, Báo cáo kết thúc giai đoạn 05 năm đầu tiên/chuyển giai đoạn/chuyển nhượng/phát triển dài hạn/tạm dừng, giãn tiến độ/kết thúc dự án phát triển, khai thác;

(iv) Theo dõi dự án phù hợp với lĩnh vực chuyên môn.

b) Dự án phát triển, khai thác, mua/bán tài sản của VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN:

(i) Đầu mỗi thực hiện các thủ tục thẩm định Báo cáo đề xuất dự án đầu tư, Báo cáo đề xuất điều chỉnh đầu tư dự án phát triển, khai thác phù hợp với quy định nội bộ của PVN (báo cáo của VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN trình PVN xem xét theo thẩm quyền);

(ii) Đầu mỗi/phối hợp xem xét, xử lý báo cáo chuyển giai đoạn/chuyển nhượng/tạm dừng, giãn tiến độ/kết thúc dự án và báo cáo khác của các dự án phát triển, khai thác ở nước ngoài (nếu PVN yêu cầu VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN thực hiện các báo cáo này).

3. Ban Quản lý Hợp đồng Dầu khí

a) Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư:

(i) Đầu mỗi đàm phán hợp đồng dầu khí, các thỏa thuận với nước tiếp nhận đầu tư và/hoặc với đối tác; Đề nghị cấp giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí;

(ii) Đầu mỗi xem xét và thực hiện thủ tục rà soát, trình Hội đồng Thành viên PVN phê duyệt Chương trình hoạt động và Ngân sách/Chương trình công tác và Ngân sách, Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các dự án;

(iii) Đầu mỗi thủ tục cấp vốn cho dự án;

(iv) Đầu mỗi kiểm toán, thanh tra dự án;

(v) Đầu mỗi các thủ tục đề nghị cấp/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(vi) Đầu mỗi/hỗ trợ giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh;

(vii) Đầu mỗi/hỗ trợ trong công tác mua sắm, đấu thầu, thuê dịch vụ;

(viii) Đầu mỗi/hỗ trợ thủ tục với nước chủ nhà;

(ix) Đầu mỗi/hỗ trợ cập nhật, tổng hợp các báo cáo định kỳ/đột xuất.

b) Dự án dầu khí của VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN:



Phối hợp cùng với VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN thực hiện các công việc tại điểm a khoản 3 Điều này khi Tổng Giám đốc VSP, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN đề nghị hỗ trợ từ PVN.

4. Ban Tài chính - Kế toán

a) Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư:

(i) Đầu mỗi thu xếp tài chính cho dự án;

(ii) Đầu mỗi thực hiện việc phân chia lợi nhuận, chuyển lợi nhuận về nước, ký hợp đồng nhận nợ, hợp đồng vay/cho vay;

(iii) Đầu mỗi thực hiện công tác quyết toán chi phí thực hiện Dự án dầu khí;

(iv) Đầu mỗi giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến tài chính;

(v) Lập, hướng dẫn Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN lập báo cáo định kỳ gửi các cơ quan quản lý nhà nước phù hợp với quy định của PVN về quản lý vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và theo quy định pháp luật Việt Nam.

b) Dự án dầu khí của VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN:

Phối hợp cùng với VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN thực hiện các công việc tại điểm a khoản 4 Điều này khi Tổng Giám đốc VSP, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN đề nghị hỗ trợ từ PVN.

5. Ban Kinh tế - Đầu tư

a) Chủ trì xây dựng, giám sát việc thực hiện Chiến lược, Quy hoạch, Kế hoạch dài hạn đối với đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí.

b) Đầu mỗi thẩm định Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư phù hợp với Quy chế về công tác thẩm định dự án đầu tư của PVN.

c) Lập, kiểm tra các báo cáo định kỳ và hỗ trợ hướng dẫn Tổng Giám đốc VSP, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN lập báo cáo định kỳ gửi các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định pháp luật.

Điều 12. Chức năng, nhiệm vụ của Người đại diện PVN, Tổng Giám đốc VSP

1. Người đại diện PVN tại các doanh nghiệp có vốn góp của PVN

a) Tổ chức thẩm định nội bộ và trình Báo cáo đề xuất đầu tư, Báo cáo đề xuất điều chỉnh đầu tư Dự án dầu khí để PVN xem xét, chấp thuận theo thẩm quyền quy định tại Điều 7 Quy định này.

b) Chủ trì/phối hợp trong nội bộ doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đề nghị cấp/điều chỉnh/chấm dứt Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

c) Phối hợp, hỗ trợ Cấp có thẩm quyền, PVN trong quá trình thẩm định, cấp/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và tổ chức thực hiện Dự án dầu khí sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

2. Người đại diện điều hành PVN tại công ty hoạt động ở nước ngoài

a) Hỗ trợ/phối hợp với PVN đánh giá, thẩm định Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư để thực hiện thủ tục đề nghị cấp/điều chỉnh/chấm dứt Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

b) Hỗ trợ/phối hợp với PVN tổ chức thực hiện, định hướng Dự án dầu khí thực hiện theo đúng mục tiêu, chiến lược và phù hợp với phương án kinh doanh của PVN sau khi dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

c) Báo cáo PVN và đề xuất giải pháp khi có vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai Dự án dầu khí.

3. Tổng Giám đốc VSP

a) Tổ chức thẩm định nội bộ và trình Báo cáo đề xuất đầu tư, Báo cáo đề xuất điều chỉnh đầu tư Dự án dầu khí để PVN xem xét, chấp thuận theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Quy định này.

b) Hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đề nghị cấp/điều chỉnh/chấm dứt Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

c) Phối hợp, hỗ trợ Cấp có thẩm quyền, PVN trong quá trình thẩm định, cấp/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và tổ chức thực hiện Dự án dầu khí sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

CHƯƠNG III

TÌM KIẾM, ĐÁNH GIÁ CƠ HỘI ĐẦU TƯ, THẨM ĐỊNH DỰ ÁN DẦU KHÍ Ở NƯỚC NGOÀI VÀ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 13. Tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn cơ hội đầu tư

1. Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP chủ động chỉ đạo tổ chức tìm kiếm và đánh giá cơ hội đầu tư vào các Dự án dầu khí phù hợp với định hướng chiến lược và kế hoạch trung và dài hạn về đầu tư Dự án dầu khí của PVN, VSP và doanh nghiệp có vốn góp của PVN.

2. Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP chịu trách nhiệm tổ chức xem xét, đánh giá và quyết định lựa chọn cơ hội đầu tư để lập Báo cáo đánh giá cơ hội đầu tư Dự án dầu khí hoặc Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án dầu khí phù hợp với Điều 14, Điều 15 Quy định này.

3. Trong giai đoạn tìm kiếm, đánh giá cơ hội đầu tư Dự án dầu khí, Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP có thể thuê tư vấn pháp lý, tư vấn tài chính, tư vấn/chuyên gia kỹ thuật, tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp...trong nước và nước ngoài hỗ trợ.

4. Chi phí cho hoạt động hình thành Dự án dầu khí và hạn mức chuyển ngoại tệ để thanh toán các chi phí này được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ



quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các điều chỉnh, sửa đổi (nếu có).

Điều 14. Tham dự thầu, đàm phán tham gia Dự án dầu khí

1. Thủ tục tham dự thầu, đàm phán tham gia Dự án dầu khí

a) Đối với Dự án dầu khí mà PVN làm Nhà đầu tư: Tổng Giám đốc PVN chỉ đạo lập Báo cáo đánh giá cơ hội đầu tư Dự án dầu khí (nội dung tương tự như Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án dầu khí) trình Hội đồng Thành viên PVN xem xét, thông qua cho phép tham dự vòng đấu thầu, chấp thuận phương án đàm phán và triển khai đàm phán với đại diện nước tiếp nhận đầu tư và/hoặc với đối tác.

b) Đối với Dự án dầu khí của doanh nghiệp có vốn góp của PVN và Dự án dầu khí của VSP: Người đại diện phần vốn PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP (thay mặt Phía tham gia Việt Nam trong VSP) thực hiện các thủ tục cần thiết và tự quyết định/biểu quyết thông qua theo quy trình nội bộ của doanh nghiệp để tham gia vòng đấu thầu, chấp thuận phương án đàm phán và triển khai đàm phán với đại diện nước tiếp nhận đầu tư và/hoặc với đối tác.

c) Sau khi có kết quả đấu thầu, đàm phán với nước tiếp nhận đầu tư và/hoặc với đối tác, Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP lập và thẩm định Báo cáo đề xuất đầu tư theo Điều 15, Điều 16 Quy định này và hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định pháp luật.

d) Nhà đầu tư nhận Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trước khi cam kết (công việc, tài chính) với nước tiếp nhận đầu tư và/hoặc với đối tác để triển khai Dự án dầu khí.

2. Chi phí tham dự thầu, đàm phán tham gia Dự án dầu khí được thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các điều chỉnh, sửa đổi (nếu có). Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài để thực hiện công việc tham dự thầu, đàm phán tham gia Dự án dầu khí, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, trên cơ sở xuất trình đầy đủ các giấy tờ, chứng từ hợp lệ theo quy định của tổ chức tín dụng được phép khi chuyển ngoại tệ ra nước ngoài; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình cho tổ chức tín dụng được phép.

3. Trường hợp không trúng thầu hoặc đàm phán không thành công

a) Đối với Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư: Tổng Giám đốc PVN có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Thành viên PVN quá trình, kết quả triển khai. Hội đồng Thành viên PVN báo cáo Cơ quan chủ sở hữu, Cấp có thẩm quyền (khi có yêu cầu hoặc trong trường hợp cần thiết).

b) Nhà đầu tư hoàn tất các thủ tục quyết toán chi phí chuẩn bị đầu tư (nếu phát sinh) theo quy định pháp luật trong vòng 30 ngày lịch kể từ ngày công bố kết quả thầu/ngày kết thúc đàm phán hoặc theo thời hạn được quy định trong quy chế, quy định liên quan của Nhà đầu tư.



Điều 15. Lập Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án dầu khí

1. Trên cơ sở cơ hội đầu tư đã được lựa chọn tại Điều 13 Quy định này, Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án dầu khí trình Cấp thẩm quyền xem xét quyết định theo quy định tại Mục 1 Chương II Quy định này. Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án dầu khí được lập theo nguyên tắc đảm bảo tính khách quan, trung thực và phản ánh đầy đủ, chính xác các thông tin của dự án. Nội dung của Báo cáo đề xuất đầu tư có thể được bổ sung/điều chỉnh để phù hợp với hình thức đầu tư.

2. Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án dầu khí đối với cơ hội đầu tư dự án tìm kiếm, thăm dò, thăm lường bao gồm những nội dung chính sau:

- a) Xuất xứ cơ hội dự án, cơ sở pháp lý;
- b) Môi trường đầu tư của nước sở tại nơi thực hiện Dự án dầu khí;
- c) Hình thức đầu tư;
- d) Những nội dung chính trong mẫu hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò dầu khí hoặc các văn bản có giá trị tương đương sẽ áp dụng, cũng như văn bản thỏa thuận đầu tư với đối tác nước ngoài về việc tham gia Dự án dầu khí;
- e) Những quy định và yêu cầu của vòng đấu thầu. Những điều kiện cơ bản để được quyền tham gia (nếu có);
- f) Lịch sử thăm dò dầu khí; kết quả thăm dò dầu khí đã đạt được;
- g) Đánh giá/tính toán tài nguyên dầu khí tại chỗ, trữ lượng và tiềm năng dầu khí (bao gồm kỳ vọng có thể phát triển thương mại nếu có phát hiện);
- h) Cam kết công việc tối thiểu; tình hình đã thực hiện và cam kết công việc tối thiểu còn lại;
- i) Dự kiến chương trình thăm dò, thăm lường (bao gồm các kịch bản);
- j) Dự kiến chi phí thăm dò, thăm lường;
- k) Phân tích sơ bộ kỳ vọng đầu tư của dự án;

Đối với dự án chỉ có hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí: Xem xét tham chiếu các dự án tương tự hoặc dự án tại khu vực, vùng lân cận để kỳ vọng kết quả có thể nhận được từ dự án đề xuất đầu tư (đơn giá/giá thành tìm kiếm thăm dò/thùng dầu hoặc kỳ vọng lợi nhuận có được trong trường hợp phát hiện dầu khí).

l) Vốn đầu tư ra nước ngoài, phương án thu xếp tài chính/thu xếp vốn (nguồn vốn đầu tư, hình thức vốn);

m) Nhận diện rủi ro và các biện pháp kiểm soát rủi ro (đánh giá đầy đủ các rủi ro về kỹ thuật, kinh tế, môi trường đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư và các rủi ro khác phù hợp với tính chất của dự án hoặc các giai đoạn của Dự án dầu khí);

n) Năng lực người điều hành/công ty điều hành, năng lực của các đối tác tham gia dự án;



o) Kế hoạch triển khai dự án;
p) Dự kiến giá mua, các thông số dự kiến sẽ chào thầu, các nội dung chính cần đàm phán;

q) Kết luận, kiến nghị.

3. Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án dầu khí đối với cơ hội đầu tư dự án phát triển, khai thác bao gồm những nội dung chính sau:

a) Xuất xứ cơ hội dự án, cơ sở pháp lý;

b) Môi trường đầu tư của nước sở tại nơi thực hiện Dự án dầu khí;

c) Hình thức đầu tư;

d) Những nội dung cơ bản trong hợp đồng dầu khí, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí hoặc các văn bản có giá trị tương đương sẽ áp dụng, văn bản thỏa thuận đầu tư với đối tác nước ngoài về việc tham gia Dự án dầu khí;

e) Những quy định và yêu cầu của vòng đấu thầu; những điều kiện cơ bản để được quyền tham gia;

f) Lịch sử thăm dò, thăm lường, phát triển, khai thác; trạng thái phát triển khai thác hiện tại;

g) Đánh giá/tính toán tài nguyên dầu khí tại chỗ, trữ lượng của mỏ/phát hiện dầu khí hiện có;

h) Khả năng gia tăng trữ lượng;

i) Các phương án phát triển khai thác và dự báo sản lượng khai thác;

j) Thị trường tiêu thụ sản phẩm;

k) Chi phí phát triển khai thác và chi phí thăm dò mở rộng;

l) Đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;

m) Vốn đầu tư ra nước ngoài, phương án thu xếp tài chính/thu xếp vốn (nguồn vốn đầu tư, hình thức vốn. Nếu sử dụng vốn vay, Báo cáo cần nêu kết quả khảo sát, bản chào của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng có uy tín);

n) Nhận diện rủi ro và các biện pháp kiểm soát rủi ro (đánh giá đầy đủ các rủi ro về kỹ thuật, kinh tế, môi trường đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư và các rủi ro khác phù hợp với tính chất của dự án hoặc các giai đoạn của Dự án dầu khí);

o) Năng lực người điều hành/công ty điều hành, năng lực của các đối tác tham gia dự án;

p) Kế hoạch triển khai dự án;

q) Dự kiến giá mua; các thông số dự kiến sẽ chào thầu; các nội dung chính cần đàm phán;

r) Kết luận, kiến nghị.



Điều 16. Thẩm định Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án dầu khí

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án dầu khí theo quy định nội bộ để trình Cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Mục 1 Chương II Quy định này. Nhà đầu tư có thể thuê thẩm tra độc lập/tham khảo ý kiến của các tổ chức, các chuyên gia phục vụ công tác thẩm định.

2. Đối với Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư: Ban chức năng PVN quy định tại khoản 5 Điều 11 Quy định này tiến hành thẩm định Báo cáo đề xuất đầu tư trên cơ sở quy định nội bộ của PVN về công tác thẩm định dự án đầu tư của PVN và tiêu chí đánh giá, thẩm định và quyết định đầu tư dự án tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí.

3. Đối với Dự án dầu khí của VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN thuộc diện PVN chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Quy định này: Ban chức năng PVN quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Quy định này tiến hành thẩm định Báo cáo đề xuất đầu tư trên cơ sở quy định nội bộ của PVN về công tác thẩm định dự án đầu tư của PVN và tiêu chí đánh giá, thẩm định và quyết định đầu tư dự án tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí.

Điều 17. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

Nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ để trình cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các điều chỉnh, sửa đổi (nếu có).

Điều 18. Chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

1. Việc chuyển ngoại tệ, hàng hóa, máy móc, thiết bị ra nước ngoài trước khi có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thăm dò thị trường và thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư tuân thủ theo Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các điều chỉnh, sửa đổi (nếu có).

2. Đối với hạn mức ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước khi có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các điều chỉnh, sửa đổi (nếu có) mà không cần có ý kiến của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, không cần thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để theo dõi theo thẩm quyền, Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện phần vốn PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP (thay mặt Phía tham gia Việt Nam trong VSP) tự quyết định/biểu quyết thông qua thực hiện các giao dịch theo tình hình thực tế triển khai.

3. Đối với trường hợp vượt hạn mức ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước khi có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các điều chỉnh, sửa đổi (nếu có):

a) Hội đồng Thành viên PVN quyết định sau khi có ý kiến của Cơ quan đại diện chủ sở hữu. Tổng Giám đốc PVN thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chuyển ngoại tệ thực hiện giao dịch của PVN để theo dõi theo thẩm quyền.

b) Người đại diện phần vốn PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP (thay mặt Phía tham gia Việt Nam trong VSP) tự quyết định/biểu quyết thông qua thực hiện các giao dịch theo tình hình thực tế triển khai và thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để theo dõi theo thẩm quyền.

4. Số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước khi có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được tính vào tổng VĐTNN trong trường hợp Dự án dầu khí được triển khai.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN DẦU KHÍ Ở NƯỚC NGOÀI

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN DẦU KHÍ Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 19. Nguyên tắc chung

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động của Dự án dầu khí, tổ chức thực hiện Dự án dầu khí tuân thủ theo pháp luật Việt Nam về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được cấp, quy định của hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí, Thỏa thuận mua bán/chuyển nhượng, Thỏa thuận điều hành chung (nếu có), theo quy định pháp luật và các quy định khác có liên quan của nước tiếp nhận đầu tư nơi có Dự án dầu khí.

2. Nhà đầu tư được tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, hoạt động dầu khí ở nước ngoài và Dự án dầu khí theo quy định của Luật đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan; Tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư đối với Dự án dầu khí và có biện pháp phòng tránh, ngăn ngừa rủi ro trong quá trình triển khai dự án.

Điều 20. Tổ chức thực hiện dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư

1. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Tổng Giám đốc PVN có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Thành viên PVN thông qua để Tổng Giám đốc PVN phê duyệt kế hoạch triển khai chi tiết Dự án dầu khí trong 05 năm đầu tiên hoặc giai đoạn đầu tiên của dự án (tùy thời hạn nào đến trước).

2. Trong vòng 06 tháng trước khi kết thúc giai đoạn 05 năm đầu tiên hoặc giai đoạn đầu tiên của Dự án dầu khí (tùy thời hạn nào đến trước), Tổng giám đốc PVN báo cáo Hội đồng Thành viên PVN kế hoạch triển khai chi tiết giai đoạn tiếp theo hoặc báo cáo kiến nghị kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí để Hội đồng Thành viên PVN xem xét, quyết định.

3. Trên cơ sở kế hoạch triển khai đã được chấp thuận tại Khoản 1 Điều này Tổng Giám đốc PVN có trách nhiệm xem xét kế hoạch triển khai chi tiết hàng năm (Chương trình hoạt động và ngân sách/Chương trình công tác và ngân sách, Kế hoạch sản xuất kinh doanh) của Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư và trình Hội đồng Thành viên PVN phê duyệt.

4. Trong quá trình triển khai Dự án dầu khí, các hoạt động bao gồm tiếp nhận quyền lợi tham gia, sử dụng quyền ưu tiên mua trước, hoạt động tự chịu rủi ro, hoạt động tạm dừng/giãn dự án, hoàn trả diện tích, chuyển giao giấy phép, gia hạn hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí và các hoạt động khác cần có ý kiến quyết định của PVN, Tổng Giám đốc PVN có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Thành viên PVN xem xét, quyết định đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc PVN. Trong trường hợp việc thực hiện các hoạt động này dẫn đến Dự án dầu khí thuộc diện cần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Tổng Giám đốc PVN chỉ đạo tổ chức thực hiện các thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo Điều 22 Quy định này trước khi ra quyết định thực hiện các công việc liên quan.

Điều 21. Chuyển giao đoạn của Dự án dầu khí

1. Phù hợp với quy định của hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí hoặc các quy định khác của nước tiếp nhận đầu tư về việc chuyển giao đoạn, theo thời hạn được quy định tại các văn bản này hoặc không muộn hơn 06 tháng trước khi chuyển sang giai đoạn tiếp theo (tùy vào thời điểm nào đến trước), Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP tổ chức lập báo cáo tổng kết đánh giá giai đoạn vừa qua, cập nhật các thông tin Dự án dầu khí và đề xuất kế hoạch tiếp theo (Báo cáo đề xuất chuyển giao đoạn Dự án dầu khí).

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập và thẩm định Báo cáo đề xuất chuyển giao đoạn Dự án dầu khí. Báo cáo đề xuất chuyển giao đoạn Dự án dầu khí được thẩm định trên cơ sở các quy định nội bộ của Nhà đầu tư. Nhà đầu tư có thể thuê thẩm tra độc lập/tham khảo ý kiến của các tổ chức, các chuyên gia phục vụ công tác thẩm định.

3. Trên cơ sở Báo cáo đề xuất chuyển giao đoạn Dự án dầu khí và các ý kiến thẩm định, Nhà đầu tư tự quyết định chuyển giao đoạn Dự án dầu khí theo quy định nội bộ:

a) Tổng Giám đốc PVN báo cáo Hội đồng thành viên PVN xem xét, quyết định đối với Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư;

b) Người đại diện phần vốn PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP (thay mặt Phía tham gia Việt Nam trong Liên doanh) tự quyết định/biểu quyết thông qua đối với Dự án dầu khí của doanh nghiệp;

c) Trường hợp việc chuyển giao đoạn dự án dẫn đến Dự án dầu khí thuộc diện cần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo Điều 22 Quy định này trước khi ra quyết định chuyển giao đoạn.

Điều 22. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

1. Trường hợp thay đổi Nhà đầu tư, hình thức đầu tư, vốn đầu tư ra nước ngoài, nguồn vốn đầu tư, hình thức vốn đầu tư, thay đổi địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư, mục tiêu chính của hoạt động đầu tư, sử dụng lợi nhuận đầu tư ở nước ngoài để tiếp tục góp vốn đầu tư ở nước ngoài trong trường hợp chưa góp đủ vốn theo đăng ký hoặc tăng



vốn đầu tư ra nước ngoài, Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định pháp luật.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm lập và tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh đầu tư Dự án dầu khí. Báo cáo đề xuất điều chỉnh đầu tư Dự án dầu khí (cấu trúc tương tự như Báo cáo đề xuất đầu tư) được thẩm định theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

3. Nhà đầu tư có thể thuê thẩm tra độc lập/tham khảo ý kiến của các tổ chức, các chuyên gia phục vụ công tác thẩm định.

4. Nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định để trình cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

5. Trường hợp đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài dẫn đến Dự án dầu khí thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài thì phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài trước khi điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

6. Thẩm quyền điều chỉnh:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài thì có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài.

b) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh nội dung quyết định đầu tư ra nước ngoài.

7. Trường hợp đề nghị điều chỉnh Dự án dầu khí dẫn đến dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của cấp cao hơn thì cấp đó có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài.

Điều 23. Chuyển nhượng Dự án dầu khí

1. Phù hợp với kế hoạch trung và dài hạn, định hướng chiến lược đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và chính sách quản lý rủi ro của doanh nghiệp, Nhà đầu tư có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Dự án dầu khí.

2. Việc chuyển nhượng Dự án dầu khí được thực hiện phù hợp với hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí, quy định của nước tiếp nhận đầu tư, pháp luật Việt Nam và theo thông lệ quốc tế trong hoạt động dầu khí.

3. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư Dự án dầu khí quy định tại Mục I Chương II Quy định này là Cấp có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng Dự án dầu khí.

4. Báo cáo đề xuất chuyển nhượng Dự án dầu khí bao gồm song không giới hạn các nội dung chính sau:

a) Thực trạng dự án;

b) Khối lượng công việc đã triển khai, cam kết công việc còn tồn đọng (nếu có);

c) Trữ lượng đã phát hiện và tiềm năng dầu khí;



HOÀN
KHÍ
NÀM



d) Sản lượng đã khai thác và dự báo khai thác tiếp theo (nếu là dự án phát triển khai thác);

e) Đầu tư đã thực hiện;

f) Lý do và lợi ích của việc chuyển nhượng;

g) Các đối tác quan tâm, đánh giá đối tác;

h) Phương án chuyển nhượng và các kịch bản;

i) Điều kiện chuyển nhượng, giá trị chuyển nhượng kỳ vọng đạt được;

j) Đánh giá sơ bộ hiệu quả đầu tư trước và sau khi chuyển nhượng;

k) Kết luận và kiến nghị.

Nội dung kiến nghị để quyết định chuyển nhượng bao gồm nhưng không giới hạn những nội dung chính: Phương án chuyển nhượng, điều kiện chính để chuyển nhượng, giá chuyển nhượng...

5. Báo cáo đề xuất chuyển nhượng Dự án dầu khí được thẩm định theo quy định nội bộ của Nhà đầu tư.

6. Đối với Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư

a) Tổng Giám đốc PVN quyết định thành lập tổ công tác chuyển nhượng (có thể thuê tư vấn) do Ban chức năng PVN chủ trì theo quy định tại Điều 11 của Quy định này để xây dựng Báo cáo đề xuất chuyển nhượng nhằm xem xét, đánh giá, xác định giá trị chuyển nhượng, phương án, điều kiện chuyển nhượng theo thông lệ quốc tế trong hoạt động dầu khí và phù hợp quy định của nước tiếp nhận đầu tư, pháp luật Việt Nam.

b) Tổng Giám đốc PVN báo cáo Hội đồng Thành viên PVN thông qua nội dung chính Báo cáo đề xuất chuyển nhượng làm cơ sở triển khai kế hoạch chuyển nhượng tiếp theo.

c) Trên cơ sở phương án chuyển nhượng trong Báo cáo đề xuất chuyển nhượng đã được Hội đồng Thành viên PVN thông qua tại điểm b khoản 6 Điều này, Tổng Giám đốc PVN chỉ đạo tổ công tác chuyển nhượng xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, bao gồm: Tổ chức chào bán và làm việc với các đối tác, đánh giá các chào thầu, lựa chọn đối tác tiềm năng, đàm phán và ký kết Thỏa thuận chuyển nhượng, thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật và hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí và các văn bản pháp lý tương đương khác liên quan.

d) Tổng Giám đốc PVN trình Hội đồng Thành viên PVN Báo cáo đề xuất chuyển nhượng cập nhật (cập nhật kết quả lựa chọn đối tác tiềm năng và các nội dung chính của Thỏa thuận chuyển nhượng) để:

(i) Thông qua, trình Cấp có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng Dự án dầu khí có VĐTRNN từ 800 tỷ đồng trở lên;

(ii) Quyết định chuyển nhượng Dự án dầu khí có VĐTRNN dưới 800 tỷ đồng.

e) Việc ký kết Thỏa thuận chuyển nhượng chỉ sau khi Cấp có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng như quy định tại điểm d khoản 6 Điều này.



7. Trong trường hợp chuyển nhượng một phần Dự án dầu khí (cho đối tác nước ngoài, trong nước) hoặc chuyển nhượng toàn bộ Dự án dầu khí cho Nhà đầu tư trong nước, Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo Điều 22 Quy định này trước khi thực hiện chuyển nhượng, bao gồm việc ký kết Thỏa thuận chuyển nhượng.

8. Trong trường hợp Nhà đầu tư thực hiện chuyển nhượng toàn bộ Dự án dầu khí thì thực hiện thủ tục kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí theo Điều 24 Quy định này.

Điều 24. Kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí và chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

1. Nhà đầu tư thực hiện thủ tục kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí trước khi thực hiện chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

2. Các trường hợp kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí là các trường hợp tương ứng được quy định theo Luật Đầu tư về chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

3. Việc kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí được thực hiện phù hợp với Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các điều chỉnh, sửa đổi (nếu có), hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí, các văn bản pháp lý khác có liên quan và theo quy định pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

4. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư Dự án dầu khí quy định tại Mục 1 Chương II Quy định này là Cấp có thẩm quyền quyết định kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí.

5. Báo cáo kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung chính sau:

- a) Khái quát quá trình triển khai dự án;
- b) Tổng khối lượng công việc đã thực hiện so với báo cáo đề xuất đầu tư đã được phê duyệt;
- c) Kết quả đã đạt được: bao gồm nhưng không giới hạn trữ lượng, sản lượng khai thác (nếu có);
- d) Tổng chi phí toàn dự án và phần tham gia góp vốn;
- e) Tổng thu hồi chi phí và lợi nhuận được chia (nếu là dự án có doanh thu);
- f) Lý do kết thúc dự án; quan điểm của các đối tác tham gia dự án;
- g) Nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí (bao gồm nhưng không giới hạn cam kết công việc, cam kết tài chính); các tổn động đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác trong dự án, các nghĩa vụ đối với các nhà thầu phụ (nếu có), biện pháp giải quyết;
- h) Tổng quan hiệu quả đầu tư dự án;



- i) Dự kiến chi phí bổ sung để kết thúc dự án (nếu có), giải pháp thu xếp tài chính;
- j) Đánh giá quá trình triển khai và bài học kinh nghiệm;
- k) Thủ tục pháp lý kết thúc dự án;
- l) Kế hoạch kết thúc dự án.

6. Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP chỉ đạo tổ chức lập Báo cáo kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí với nội dung như khoản 5 Điều này. Đối với Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư, công tác thẩm định Báo cáo kết thúc hoạt động đầu tư được thực hiện tương tự như thẩm định Báo cáo dự án đề xuất đầu tư quy định tại Điều 16 Quy định này để trình Cấp thẩm quyền xem xét, quyết định kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí.

7. Nhà đầu tư cần hoàn thiện các thủ tục theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư để nhận được văn bản, tài liệu chứng minh Nhà đầu tư đã hoàn thành việc kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí, thanh lý Dự án dầu khí và chuyển toàn bộ tiền, tài sản, các khoản thu từ kết thúc, thanh lý dự án về nước.

8. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư liên quan đến việc kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí và thanh lý Dự án dầu khí, Nhà đầu tư phải chuyển về nước toàn bộ các khoản thu từ việc thanh lý Dự án dầu khí. Trường hợp có nhu cầu kéo dài thời hạn để thực hiện nghĩa vụ này, Nhà đầu tư thực hiện thủ tục gia hạn theo Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các điều chỉnh, sửa đổi (nếu có).

9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các điều chỉnh, sửa đổi (nếu có).

Điều 25. Quy chế nhân viên

1. Trên cơ sở các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam và nước sở tại, Nhà đầu tư xây dựng quy chế nhân viên cho các Dự án dầu khí, bao gồm các chế độ lương, thưởng, phụ cấp (xa nhà, khu vực...) bảo đảm các điều kiện sinh hoạt và làm việc cho cán bộ nhân viên của mình ở nước ngoài có tính thu hút và khuyến khích. Quy chế nhân viên bao gồm các mức phụ cấp cụ thể cho từng khu vực và từng nước phù hợp với điều kiện triển khai Dự án dầu khí, các quy định của PVN, doanh nghiệp và nước tiếp nhận đầu tư làm cơ sở để thu hút, tuyển dụng và quản lý cán bộ nhân viên.

2. Trường hợp Nhà đầu tư không phải là pháp nhân điều hành dự án, nhân viên biệt phái tham gia dự án hưởng các chế độ chung của Dự án dầu khí, Nhà đầu tư chịu trách nhiệm làm việc với đối tác để nhân viên của mình được hưởng thù lao xứng đáng và đảm bảo thu hút được người lao động.

Điều 26. Xuất khẩu hàng hóa, máy móc, vật tư thiết bị

Hàng hóa, máy móc, vật tư thiết bị xuất khẩu từ Việt Nam hoặc tạm nhập tái xuất phục vụ các Dự án dầu khí được thực hiện theo quy định về xuất nhập khẩu của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.



Điều 27. Quản lý tài liệu

Nhà đầu tư chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, lưu trữ cập nhật các tài liệu, thông tin liên quan đến Dự án dầu khí tuân thủ quy định pháp luật và quy định của PVN về lưu trữ và quản lý tài liệu.

Mục 2

QUẢN LÝ DỰ ÁN DẦU KHÍ Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 28. Quản lý thực hiện Dự án dầu khí theo chủ thể Nhà đầu tư

1. Đối với Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư

a) Người đại diện PVN tham gia Cơ quan quản lý phải báo cáo và xin chủ trương của PVN trước khi họp Cơ quan quản lý, đặc biệt về các vấn đề Cơ quan quản lý phải biểu quyết thông qua. Sau cuộc họp hoặc khi Cơ quan quản lý quyết định qua thư tín, Người đại diện PVN phải báo cáo PVN kết quả cuộc họp hoặc các quyết định thông qua thư tín của Cơ quan quản lý, kèm theo biên bản họp và/hoặc nghị quyết của Cơ quan quản lý.

b) Trong quá trình thực hiện kế hoạch triển khai chi tiết hàng năm, khi dự toán chi phí hạng mục chính có thể vượt so với ngân sách đã được duyệt, Người đại diện PVN phải báo cáo và đề xuất phương án xử lý kịp thời cho PVN để xem xét, chỉ đạo.

c) Nhân sự cấp cao nhất (hoặc người được PVN chỉ định) được PVN biệt phái giữ vị trí chủ chốt trong pháp nhân điều hành dự án dầu khí (Công ty Liên doanh, Công ty Điều hành chung) cùng các nhân sự biệt phái khác thay mặt PVN tham gia điều hành Dự án dầu khí phù hợp với kế hoạch triển khai chi tiết hàng năm đã được duyệt, định kỳ hàng tháng (hoặc bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của PVN) báo cáo cập nhật thông tin về Dự án dầu khí cho PVN (tiến độ thực tế, tình hình thực hiện kế hoạch triển khai theo giai đoạn đã được phê duyệt của Dự án dầu khí).

2. Đối với Dự án dầu khí của VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN

a) Thực hiện quản lý, giám sát hoạt động, tình hình thực hiện các Dự án dầu khí đảm bảo hiệu quả, tuân thủ các quy định pháp luật.

b) Xây dựng và ban hành quy định quản lý đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với quy định pháp luật, Quy định này và văn bản quy phạm nội bộ của doanh nghiệp.

Điều 29. Quản lý thực hiện Dự án dầu khí theo chi phí

1. Thay đổi vốn đầu tư ra nước ngoài

a) Nhà đầu tư thực hiện Dự án dầu khí trong phạm vi vốn đầu tư ra nước ngoài được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài do Cơ quan thẩm quyền cấp.

b) Nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài khi vốn đầu tư ra nước ngoài vượt hạn mức được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài do Cơ quan thẩm quyền cấp.



2. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm xem xét, thông qua Chương trình hoạt động và Ngân sách/Chương trình Công tác và Ngân sách, Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các sửa đổi, hiệu chỉnh, bổ sung (nếu có) để triển khai, thực hiện Dự án dầu khí.

3. Các chi phí của Dự án dầu khí không thành công được xử lý theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các điều chỉnh, sửa đổi (nếu có).

CHƯƠNG V

KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐẦU TƯ

Điều 30. Chế độ báo cáo

1. Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP báo cáo, sao gửi PVN Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và một bộ hồ sơ đầy đủ (bao gồm bản sao các thỏa thuận với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác, văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nước tiếp nhận đầu tư...) về Dự án dầu khí ngay sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài từ cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư.

2. Trong quá trình triển khai Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư, Tổng Giám đốc PVN thực hiện chế độ báo cáo, trình Hội đồng Thành viên PVN xem xét, phê duyệt theo Điều 20 và Điều 21 của Quy định này. Ngoài ra, định kỳ (Quý/Năm) Tổng Giám đốc PVN gửi Hội đồng Thành viên PVN báo cáo về tình hình thực hiện/hoạt động Dự án dầu khí của các Nhà đầu tư.

3. Hàng quý, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP báo cáo PVN cập nhật tình hình triển khai của Dự án dầu khí. Trong báo cáo tình hình thực hiện Dự án dầu khí hàng năm cần phải có đánh giá cập nhật hiệu quả kinh tế của Dự án dầu khí để PVN xem xét, chỉ đạo (nếu có) về kế hoạch triển khai tiếp theo.

4. Hàng năm, không muộn hơn ngày 31/5 của năm kế tiếp, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP sao gửi PVN các báo cáo: Báo cáo tài chính năm (đã kiểm toán độc lập, nếu được kiểm toán) của pháp nhân điều hành về Dự án dầu khí, các báo cáo thanh, kiểm tra kiểm toán của cơ quan quản lý dầu khí, thuế... của cơ quan quản lý nước chủ nhà liên quan đến Dự án dầu khí (nếu có) hoặc văn bản có giá trị tương đương. Trường hợp không thể gửi một trong các báo cáo nêu trên trước ngày 01/6, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP phải có báo cáo bằng văn bản gửi PVN nêu rõ lý do chưa thể nộp báo cáo, đồng thời đề xuất thời hạn mới gửi báo cáo.

5. Đối với những Dự án dầu khí mà Nhà đầu tư không phải là pháp nhân điều hành Dự án dầu khí, Nhà đầu tư có trách nhiệm giám sát, đơn đốc đảm bảo định kỳ pháp nhân điều hành có báo cáo đầy đủ và đúng hạn về Dự án dầu khí theo đúng quy định của hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí, Thỏa thuận điều hành chung, Điều lệ công ty điều hành và các quy định pháp lý khác liên quan.



6. Đối với những Dự án dầu khí mà Nhà đầu tư là pháp nhân điều hành dự án, Nhà đầu tư có thể lập pháp nhân mới để thay mặt Nhà đầu tư điều hành dự án theo quy định của pháp luật. Pháp nhân điều hành có trách nhiệm duy trì hệ thống báo cáo theo quy định của hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí, Thỏa thuận điều hành chung, Điều lệ công ty điều hành và các quy định pháp lý khác liên quan. Đồng thời, pháp nhân điều hành phải duy trì hệ thống báo cáo riêng theo quy định nội bộ của Nhà đầu tư.

7. Định kỳ Nhà đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các báo cáo liên quan tình hình thực hiện/hoạt động của Dự án dầu khí theo đúng quy định hiện hành và các quy định tại Quy định này. Đối với báo cáo do Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP thực hiện gửi PVN, thời hạn gửi báo cáo là 05 ngày trước ngày kết thúc tháng và 10 ngày trước ngày kết thúc mỗi Quý và trước ngày 15/12 hàng năm. Nội dung các báo cáo gửi PVN phù hợp với các Phụ lục của Quy định này.

8. Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP phải kịp thời cung cấp báo cáo, số liệu về tình hình thực hiện Dự án dầu khí theo yêu cầu của PVN để xem xét, chỉ đạo (nếu có).

9. Nhà đầu tư/đại diện Nhà đầu tư chịu trách nhiệm cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ thông tin giám sát, đánh giá đầu tư lên hệ thống ERP của PVN và Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo đúng quy định.

Điều 31. Kiểm toán, thanh tra

1. Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện công tác thanh tra, kiểm toán nội bộ hàng năm cho Dự án dầu khí.

2. Đối với Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư, hàng năm, Tổng Giám đốc PVN xây dựng kế hoạch và tiến hành thanh tra, kiểm toán Dự án dầu khí phù hợp với hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí, các quy định của nước tiếp nhận đầu tư và quy định của PVN.

3. Đối với Dự án dầu khí của doanh nghiệp có vốn góp của PVN

a) Hàng năm, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN phải xây dựng kế hoạch và tiến hành thanh tra, kiểm toán Dự án dầu khí, báo cáo PVN kết quả thực hiện. Trên cơ sở tầm quan trọng của việc thanh tra, kiểm toán và đề nghị của doanh nghiệp, Ban Quản lý Hợp đồng Dầu khí/Ban chuyên môn của PVN có thể xem xét báo cáo Tổng Giám đốc PVN cử cán bộ cùng tham gia đoàn thanh tra, kiểm toán của doanh nghiệp có vốn góp của PVN.

b) Trước ngày 31/5 hàng năm, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN lập báo cáo tổng hợp các Dự án dầu khí đã được kiểm toán trong năm trước đó, các phát hiện qua kiểm toán, tình trạng giải quyết các phát hiện qua các năm (đến năm báo cáo) của tất cả các Dự án dầu khí và gửi kèm các báo cáo kiểm toán trong năm, báo cáo Tổng Giám đốc PVN xem xét, chỉ đạo (nếu có).





4. Đối với Dự án dầu khí của VSP

a) Việc thanh tra, kiểm toán Dự án dầu khí của VSP thực hiện theo quyết nghị của Hội đồng VSP/các Phía tham gia trong Liên doanh, phù hợp với các quy định, quy chế nội bộ của VSP.

b) Báo cáo khắc phục kiến nghị thanh tra, kiểm toán Dự án dầu khí được thực hiện theo phương thức, yêu cầu của Hội đồng VSP/các Phía tham gia trong Liên doanh.

Điều 32. Giám sát đầu tư

1. Hàng năm, Ban Kinh tế Đầu tư chủ trì trình Tổng Giám đốc PVN phê duyệt chương trình kiểm tra, giám sát đầu tư Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư, Dự án dầu khí của doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Dự án dầu khí của VSP. Chương trình kiểm tra, giám sát đầu tư cần được xem xét xây dựng để kết hợp với đoàn kiểm tra tổng thể doanh nghiệp (nếu có) theo Kế hoạch kiểm tra, giám sát, thanh tra và kiểm toán nội bộ hàng năm do Hội đồng Thành viên PVN ban hành nhằm tránh nhiều đoàn kiểm tra trong năm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VSP, doanh nghiệp có vốn góp của PVN.

2. Việc theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm toán Dự án dầu khí sẽ được thực hiện phù hợp với hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác, Thỏa thuận điều hành chung, Thỏa thuận chuyển nhượng hoặc Điều lệ công ty và các thỏa thuận tương đương, đồng thời có sự phối hợp giữa Nhà đầu tư và pháp nhân điều hành để giảm thiểu ảnh hưởng đến việc triển khai Dự án dầu khí

3. Nội dung theo dõi, giám sát, kiểm tra, kiểm toán Dự án dầu khí, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề chính sau:

a) Thực tế triển khai Dự án dầu khí (bao gồm cả tiến độ triển khai) so với Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Báo cáo đề xuất đầu tư/Báo cáo đề xuất điều chỉnh đầu tư Dự án dầu khí đã báo cáo Cấp thẩm quyền, hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác, Chương trình hoạt động và Ngân sách/Chương trình công tác và Ngân sách, Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được duyệt;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Nhà đầu tư trong quá trình triển khai Dự án dầu khí (nếu Nhà đầu tư là pháp nhân điều hành) hoặc tuân thủ điều lệ, quy định của công ty (nếu Nhà đầu tư tham gia vào công ty điều hành chung/công ty liên doanh...);

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy trình kiểm soát nội bộ của bộ phận trực tiếp triển khai Dự án dầu khí và đề xuất các giải pháp hoàn thiện;

d) Các phát sinh, khó khăn vướng mắc cần tháo gỡ.

4. Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện PVN tại doanh nghiệp có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP chịu trách nhiệm xây dựng, duy trì hệ thống giám sát, kiểm tra thường xuyên và định kỳ đối với các hoạt động liên quan đến triển khai thực hiện Dự án dầu khí và chịu sự kiểm tra, giám sát thường niên của Hội đồng Thành viên PVN về các Dự án dầu khí.



5. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm giám sát và hỗ trợ cơ quan quản lý Nhà nước giám sát Dự án dầu khí theo quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI

QUYẾT TOÁN CHI PHÍ DỰ ÁN DẦU KHÍ Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 33. Quyết toán chi phí Dự án dầu khí

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán chi phí Dự án dầu khí

a) Đối với Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư: Hội đồng thành viên PVN phê duyệt quyết toán chi phí Dự án dầu khí trên cơ sở báo cáo quyết toán của Tổng Giám đốc PVN.

b) Đối với Dự án dầu khí của doanh nghiệp có vốn góp của PVN: Người đại diện phần vốn PVN thực hiện phê duyệt/biểu quyết thông qua để phê duyệt quyết toán theo Quy chế tài chính của doanh nghiệp có vốn góp của PVN.

c) Đối với Dự án dầu khí của VSP: Thẩm quyền, trách nhiệm lập báo cáo quyết toán và cách thức quyết toán đối với Dự án dầu khí do Hội đồng Vietsovpetro quyết định.

2. Thời hạn thực hiện quyết toán cho Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư

a) Tổng Giám đốc PVN chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết toán Dự án dầu khí. Công tác quyết toán hoàn thành trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày kết thúc hoạt động đầu tư Dự án dầu khí.

b) Tổng Giám đốc PVN sẽ thành lập tổ lập Báo cáo quyết toán do Ban Tài chính - Kế toán đầu mối thực hiện lập báo cáo quyết toán.

c) Thời hạn phê duyệt quyết toán là 01 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 Quy định này.

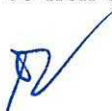
3. Nguyên tắc, hồ sơ trình duyệt quyết toán cho Dự án dầu khí mà PVN là Nhà đầu tư

a) Nguyên tắc lập Báo cáo quyết toán

(i) Phản ánh đúng và đủ nguồn vốn thực hiện Dự án dầu khí tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán (chi tiết theo từng nguồn vốn, nguyên tệ và đồng Việt Nam tương ứng).

(ii) Chi phí đề nghị được quyết toán phải phản ánh trung thực, đảm bảo các nguyên tắc: thực chi, hợp lý, hợp lệ. Chi phí đề nghị quyết toán phải: Phản ánh chi tiết phù hợp với quy định của hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác hoặc các văn bản pháp lý khác tương đương; Chi tiết theo từng khoản mục đầu tư cũng như giai đoạn thực hiện đầu tư.

(iii) Kiến nghị của Nhà đầu tư về việc xử lý nguồn và tài sản sau khi được phê duyệt quyết toán phải phù hợp với quy định của hợp đồng dầu khí thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm, thăm dò khai thác hoặc các văn bản pháp lý khác tương đương về thu hồi vốn của PVN, phù hợp với Quy chế tài chính của PVN cũng như các quy định của Nhà nước có liên quan.



b) Hồ sơ trình duyệt quyết toán

Ban Tài chính - Kế toán gửi 01 bộ hồ sơ đến Cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

(i) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán (bản gốc);

(ii) Báo cáo quyết toán dự án (giai đoạn) hoàn thành (bản gốc);

(iii) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo quyết toán;

(iv) Các văn bản pháp lý có liên quan (bản gốc hoặc bản sao);

(v) Hợp đồng đầu khí giữa Nhà đầu tư với nước tiếp nhận đầu tư, thỏa thuận, giấy phép tìm kiếm thăm dò khai thác (bản sao), Hợp đồng chuyển nhượng (nếu có, bản sao); Thỏa thuận điều hành chung (nếu có, bản sao); Điều lệ công ty (nếu có, bản sao);

(vi) Báo cáo chi phí hàng năm của pháp nhân điều hành dự án (sau kiểm toán độc lập, nếu có);

(vii) Báo cáo kiểm toán của Nhà đầu tư/các Bên tham gia khác/nước tiếp nhận đầu tư (nếu có, bản sao);

(viii) Báo cáo tổng kết hoàn thành công việc của bộ phận kỹ thuật và hoặc bộ phận quản lý dự án: kết quả khoan, công tác phát triển...(bản gốc hoặc bản sao);

(ix) Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước (nếu có, bản sao); kèm theo báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của Nhà đầu tư hoặc đại diện Nhà đầu tư;

(x) Các mẫu biểu báo cáo kèm theo (Phụ lục 3).

4. Nguyên tắc, nội dung và hồ sơ trình duyệt Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo quyết toán cho Dự án đầu khí mà PVN là Nhà đầu tư

a) Tổ chức thẩm tra Báo cáo quyết toán

(i) Tổng Giám đốc PVN quyết định thành lập tổ thẩm tra để thực hiện thẩm tra Báo cáo quyết toán, trình Cấp thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Tổ thẩm tra do Ban Tài chính - Kế toán chủ trì, phối hợp với các Ban chức năng có liên quan của PVN để thực hiện công tác thẩm tra quyết toán. Việc thành lập tổ thẩm tra Báo cáo quyết toán phải đảm bảo nguyên tắc độc lập, theo đó tất cả các thành viên của tổ này không trùng lặp với các thành viên của tổ lập Báo cáo quyết toán tại khoản 2 Điều 33 Quy định này.

(iii) PVN có thể thuê công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo quyết toán làm căn cứ thẩm tra Báo cáo quyết toán.

b) Nội dung chính Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo quyết toán

Tổ thẩm tra Báo cáo quyết toán thực hiện thẩm tra và lập Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo quyết toán gồm những nội dung sau:

(i) Hồ sơ pháp lý Dự án đầu khí:

- + Về trình tự lập và duyệt văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản đối với hình thành dự án, thực hiện dự án và kết thúc hoạt động đầu tư dự án;



- + Về thủ tục pháp lý đầu tư, bao gồm: phê duyệt đầu tư; phê duyệt triển khai dự án; phê duyệt kết thúc hoạt động đầu tư dự án; nghiệm thu dự án.

(ii) Các công việc đã thực hiện và chi phí đầu tư Dự án dầu khí: theo hạng mục chi phí và theo giai đoạn thực hiện;

(iii) Nguồn vốn đầu tư của Dự án dầu khí:

- + Tổng dự toán và nguồn vốn, cơ cấu vốn được phê duyệt;
- + Số liệu góp vốn/chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài.

(iv) Nhận xét, đánh giá, kiến nghị:

- + Nhận xét đánh giá việc chấp hành các quy định của nhà nước, nội bộ PVN trong việc triển khai thực hiện dự án;
- + Kiến nghị phê duyệt về nguồn vốn, chi phí thực hiện và các kiến nghị xử lý công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng (nếu có).

Tổ thẩm tra gửi Cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán làm cơ sở để Cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt quyết toán

c) Thời hạn thẩm tra Báo cáo quyết toán là 06 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán Dự án dầu khí.

Điều 34. Chế độ báo cáo sau khi phê duyệt quyết toán chi phí Dự án dầu khí

Sau khi phê duyệt quyết toán chi phí Dự án dầu khí, Người đại diện PVN, Tổng Giám đốc VSP gửi PVN một bộ hồ sơ quyết toán và quyết định phê duyệt.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với Dự án dầu khí đã phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực và đang trong quá trình triển khai thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt và không phải sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Quy định này.

2. Đối với Dự án dầu khí đang trong quá trình báo cáo PVN xem xét trước ngày Quy định này có hiệu lực, Hội đồng Thành viên PVN, Tổng Giám đốc PVN xem xét quyết định từng trường hợp, từng nội dung vướng mắc phát sinh cụ thể theo thẩm quyền.

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Quy định này gồm 7 Chương, 36 Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng Thành viên PVN ký quyết định ban hành.

2. Quy định này có thể được Hội đồng Thành viên PVN sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc PVN phù hợp với tình hình thực tế triển khai các Dự án dầu khí và các quy định pháp luật.



Phụ lục 1.1
Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt Dự án đầu tư

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH

V/v

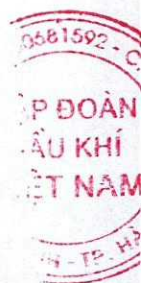
Kính gửi:

1. Căn cứ:

- Luật...
- Nghị định:.....
-

2. Nội dung dự án:

- Tên dự án
- Địa điểm đầu tư
- Nhà đầu tư
- Pháp nhân điều hành dự án
- Tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư
- Hình thức đầu tư
- Mục tiêu dự án
- Tóm tắt nội dung qui mô đầu tư: Bao gồm qui mô của dự án, phần tham gia của Nhà đầu tư theo cả công việc và chi phí tương ứng cho từng giai đoạn cụ thể, theo cam kết hợp đồng cũng như dự kiến triển khai thực hiện. Đối với dự án Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, cần mô tả thêm về chi phí nhận chuyển nhượng, quyền thu hồi chi phí đầu tư và các quyền khác cũng như các nghĩa vụ khác nếu có với bên chuyển nhượng...(Phụ lục)
- Tóm tắt hiệu quả đầu tư/kỳ vọng đầu tư và tính khả thi của dự án đầu tư (Phụ lục):
- Vốn đầu tư ra nước ngoài:
 - ✓ Hình thức vốn đầu tư;
 - ✓ Nguồn vốn:



Lon



- + Vốn chủ sở hữu
- + Vốn vay và phương thức thu xếp vốn
- + Vốn khác

- Hình thức quản lý:
- Thời gian/tiến độ thực hiện:

3. Kết luận, kiến nghị:

NHÀ ĐẦU TƯ

Nơi nhận:

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án dầu khí;
- Báo cáo thẩm định của Nhà đầu tư;
- Biên bản họp Hội đồng thẩm định của Nhà đầu tư. *Ưu*



Phụ lục 1.2

Mẫu báo cáo thẩm định Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án dầu khí

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

V/v

1. Căn cứ thẩm định:

- Luật...
- Nghị định:.....
-

2. Nội dung thẩm định:

- 2.1 Tóm tắt nội dung dự án
- 2.2 Tiềm năng dầu khí
- 2.3 Phương án thăm dò/phát triển khai thác
- 2.4 Môi trường đầu tư và pháp lý hợp đồng
- 2.5 Tổng mức đầu tư
- 2.6 Vốn đầu tư ra nước ngoài
- 2.7 Hiệu quả kinh tế
- 2.8 Phương án thu xếp vốn
- 2.9 Kế hoạch và tiến độ triển khai
- 2.10 Các yếu tố rủi ro, ảnh hưởng tới dự án
- 2.11 Khả năng thực hiện của Nhà đầu tư

3. Kết luận kiến nghị:

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Nơi nhận:

-



Phụ lục 2.1: THÔNG TIN PHÁP LÝ TỔNG QUÁT DỰ ÁN DẦU KHÍ

Định kỳ báo cáo: báo cáo thường niên & báo cáo cập nhật (*)

STT	Tên dự án - nước tiếp nhận đầu tư/ Ngày hiệu lực HĐ/Giấy phép TKTD& Khai thác - Ngày hết hạn HĐ/Giấy phép TKTD& Khai thác	Loại hình hợp đồng/Giấy phép TKTD& Khai thác	Các Bên tham gia/ Tỷ lệ tham gia	Số GCNĐKĐTRNN Ngày cấp	Cam kết tối thiểu theo HĐ/Giấy phép TKTD& Khai thác		Thực hiện so với cam kết tối thiểu của HĐ/Giấy phép TKTD& Khai thác		Tình hình Dự án đến hết năm ... (Đã hoàn thành cam kết/Chưa hoàn thành - công việc còn lại)	Vướng mắc về thủ tục cần giải quyết	Kế hoạch tiếp theo (để giải quyết các vướng mắc thủ tục)	Ghi chú
					Công việc	Tài chính (tr. \$)	Công việc	Tài chính (tr. \$)				
1												
2												
3												
4												

(*) Báo cáo cập nhật: trong vòng 15 ngày sau khi có thay đổi một trong các thông tin (chỉ b/c dự án có thay đổi)

Ước



**Phụ lục 2.2: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN DẦU KHÍ
TRONG GIAI ĐOẠN TÌM KIẾM THẨM DÒ & THẨM LƯỢNG**

Định kỳ báo cáo: hàng Quý

STT	Tên Dự án	CTHD&NS/CTCT&NS/ KH SXKD được duyệt		Thực hiện CTHD&NS/CTCT&NS/KHSXKD						Các vướng mắc, khó khăn	Kiến nghị, giải pháp	Ghi chú	
		CTHD/CTCT/ KHSXKD	NS	Lũy kế đầu năm đến hết báo cáo trước		Thực hiện kỳ báo cáo		Lũy kế đến cuối kỳ					Chi phí tương ứng phần tham gia của NĐT
				Thực hiện CTHD/CTCT/ KHSXKD	Chi phí	Thực hiện CTHD/CTCT/ KHSXKD	Chi phí	Thực hiện CTHD/CTCT/ KHSXKD	Chi phí				
1	Dự án A												
	G & G												
	Drilling												
	G & A												
	...												
	Tổng												
2	Dự án B												
	G & G												
	Drilling												
	G & A												
	...												
	Tổng												
3													
4													

Ghi chú:

- Nhà đầu tư báo cáo theo các hạng mục chính CTHD&NS/CTCT&NS/KHSXKD tương ứng như CTHD&NS/CTCT&NS/KHSXKD hàng năm mà NDT đã duyệt cho dự án & hệ thống báo cáo của Người Điều hành.
- Nhà đầu tư báo cáo theo mẫu này tất cả các tháng trong năm, với những tháng trùng với báo cáo Quý/Năm NDT có thể báo cáo sớm kèm theo báo cáo Quý, Năm.
- Báo cáo Quý cuối năm NDT có thể báo sớm & gửi kèm báo cáo năm.

lth



Phụ lục 2.3: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN DẦU KHÍ
TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN, KHAI THÁC

Định kỳ báo cáo: hàng tháng

	Thực hiện ODP/FDP/...				Thực hiện CTHĐ&NS/CTCT&NS/KHSXKD							Ghi chú	
	ODP/FDP/... đã duyệt		Hoàn thành đến hết kỳ báo cáo			CTHĐ&NS/CTCT&NS/KHSXKD được duyệt				Thực hiện CTHĐ&NS/CTCT&NS/KHSXKD			
	Công việc	Ngân sách	Công việc	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Chi phí lũy kế đến hết kỳ b/c	Tỷ lệ CP/NS (%)	Công việc	Ngân sách	Công việc	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Chi phí LK từ đầu năm		Tỷ lệ CP/NS (%)
I	Các công tác TLPT												
	Mình Giải 3D												
	Khoan PTKT												
	Giàn đầu giếng												
	Chân đế												
	Thiết bị xử lý/ chữa dầu												
	Đường ống												
...													
II	Các công tác TKTD khác												
	Địa chấn												
	Khoan TD, TL												
	G & A												
III	Tổng chi phí lũy kế, trong đó:												
	-Chi phí thu hồi (vốn hoá ...)												
	- CP không được thu hồi												
	Tổng mức đầu tư/Vốn ĐTRNN (GCNĐKĐTRNN)												
	Hạn mức còn lại												

Ghi chú: - Kê cả các dự án đã có khai thác, nhưng NĐT vẫn tiếp tục công tác TKTD & TLPT, thì NĐT tiếp tục duy trì báo cáo theo mẫu này.
- Nhà đầu tư báo cáo theo mẫu này tất cả các tháng trong năm, với những tháng trùng với báo cáo Quý/Năm NĐT có thể báo cáo sớm kèm theo báo cáo Quý, Năm.

lbtu



Phụ lục 2.4: CHI PHÍ ĐẦU TƯ & GÓP VỐN

Định kỳ báo cáo: hàng tháng

STT	Tên Dự án/ Ngày hiệu lực	Các Bên tham gia/ Tỷ lệ tham gia	Chi phí dự án & Góp vốn của NDT					Hạn mức đầu tư (theo GCNĐKĐTRNN)	So sánh HMDT và Góp vốn	Ghi chú
			Chi tiêu	Lũy kế đến hết năm liền trước năm báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng trước tháng báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến hết kỳ báo cáo			
1			Chi phí dự án (chung)							
			CP tính cho NDT, trong đó:							
			- CP được TH (vốn hoá ...)							
			- CP không TH							
			Góp vốn, trong đó:							
			- Vốn CSH							
			- Vốn vay							
			- Góp Vốn bằng h/t khác							
			Tiền chuyển ra nước ngoài							
			Tổng Chi phí							
2			Chi phí dự án (chung)							
			CP tính cho NDT, trong đó:							
			- CP được TH (vốn hoá ...)							
			- CP không TH							
			Góp vốn, trong đó:							
			- Vốn CSH							
			- Vốn vay							
			- Vốn khác							
			Tiền chuyển ra nước ngoài							
			Tổng Chi phí							
	Tổng cộng		Tổng CP tính cho NDT							
			- CP được TH (vốn hoá ...)							
			- CP không TH							
			Tổng vốn đã góp, trong đó:							
			- Vốn CSH							
			- Vốn vay							
			- Góp Vốn bằng h/t khác							
			Tiền chuyển ra nước ngoài							
			Tổng Chi phí							

Nhà đầu tư báo cáo theo mẫu này tất cả các tháng trong năm, với những tháng trùng với báo cáo Quý/Năm NDT có thể báo cáo sớm kèm theo báo cáo Quý, Năm

ĐTH



Định kỳ báo cáo: hàng Quý

ĐVT: Triệu USD

[illegible]

25th

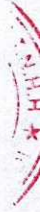


Phụ lục 2.6: BÁO CÁO KHAI THÁC DẦU KHÍ DỰ ÁN DẦU KHÍ

Định kỳ báo cáo: hàng tháng

Dự án	ODP/FDP đã được phê duyệt (cập nhật gần nhất)		Dầu & Condensate						Khí				Lũy kế DK KT từ đầu dự án đến hết tháng BC		
	Trữ lượng thu hồi (trong thời hạn HĐ/ Giấy phép TKTD&Khai thác)	Sản lượng năm báo cáo	Kế hoạch		Thực hiện	Đánh giá TH/KH		Kế hoạch		Đánh giá TH/KH		Cộng dồn từ đầu năm	Đánh giá TH/KH		
			Năm	Tháng		Sản lượng tháng	Lũy kế trước kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	TH/ KH tháng	TH/ KH năm	Nă m		Tháng	Sản lượng tháng	TH/ KH tháng
	Tr. Tấn	Tr. Tấn	Tr. Tấn	Tr. Tấn	Thùng	Tr. Tấn	%	%	Tr. m3	Tr. m3	Tr. m3	%	%	Tr. Tấn	Tr. m3
1.	DA														
	NĐT														
2.	DA														
	NĐT														
...															
	Tổng cộng:														
	DA														
	NĐT														

Ghi chú: Nhà đầu tư báo cáo theo mẫu này tất cả các tháng trong năm, với những tháng trùng với báo cáo quý/năm NDT có thể báo cáo sớm kèm theo báo cáo Quý, Năm



Đầu

Phụ lục 2.7 BÁO CÁO NHẬN DẦU, THU HỒI CHI PHÍ & LỢI NHUẬN

Định kỳ báo cáo: hàng tháng

STT	Dự án	Lũy kế giá trị dầu thực nhận của Nhà đầu tư từ đầu dự án đến trước năm báo cáo				Lũy kế giá trị dầu thực nhận của Nhà đầu tư từ đầu năm đến trước tháng báo cáo				Giá trị thực nhận của Nhà đầu tư trong tháng						Lũy kế đến hết kỳ báo cáo				
		THCP (Tr. USD)		Lãi dầu (Tr. USD)		THCP (Tr. USD)		Lãi dầu (Tr. USD)		Sản lượng xuất bán phần của NĐT (Tr. Thùng)	THCP		Lãi dầu		THCP (Tr. USD)		Lãi dầu (Tr. USD)		Tổng	
		Chuyển về nước	Tái đầu tư	Chuyển về nước	Tái đầu tư	Chuyển về nước	Tái đầu tư	Chuyển về nước	Tái đầu tư		Chuyển về nước	Tái đầu tư	Chuyển về nước	Tái đầu tư						
1																				
2																				
3																				
...																				
	Tổng cộng																			

Phụ lục 3.1: BÁO CÁO QUYẾT TOÁN DỰ ÁN DẦU KHÍ

Tên dự án:

Nước tiếp nhận đầu tư:

Pháp nhân điều hành dự án:

Nhà đầu tư:

Tỷ lệ tham gia vốn của Nhà đầu tư:

Đầu tư theo quyết định số:

Ngày:

Của:

Tổng Vốn đầu tư ra nước ngoài được duyệt:

Theo GCNĐKĐTNN số: Ngày:

Tổng chi phí thực hiện:

- Chi phí được tính vào dự án theo HDDK/GP TKTD&Khai thác. Trong đó:

+ Chi phí được thu hồi (CPTH, Vốn hóa...)

+ Chi phí không được thu hồi: Theo HDDK/GP

- Chi phí phân bổ vào CPSXKD

Thời gian bắt đầu dự án/giai đoạn:..... Thời gian kết thúc dự án/giai đoạn:

I/ Nguồn vốn

1/ Nguồn vốn

Chỉ tiêu	Được duyệt theo GCNĐKĐTNN/...		Đã thực hiện		Tăng/giảm
	Nguyên tệ	VNĐ	Nguyên tệ	VNĐ	
	1		2		
Tổng cộng theo từng loại tiền					
-Vốn Chủ sở hữu					
-Vốn vay					
- Vốn khác					
Tổng cộng					

II/ Tổng hợp chi phí đề nghị quyết toán

12. Tổng hợp chi phí và ngân quỹ						
STT	Nội dung	Dự toán được theo GCNĐKĐTRNN/...		Chi phí thực hiện		Tăng/giảm
		Nguyên tệ	VNĐ	Nguyên tệ	VNĐ	
		1		2		
1	Giai đoạn TKTD -CP được thu hồi (Vốn hóa...) - CP không được thu hồi ... -Chi khác ...					

luc



2	Giai đoạn phát triển -CP được thu hồi (Vốn hóa...) - CP không được thu hồi ... -Chi khác ...					
---	---	--	--	--	--	--

III/ Chi phí đầu tư đề nghị phân bổ vào chi phí SXKD:

IV/ Chi phí thu hồi lũy kế/giá trị đầu tư được vốn hóa ... Nhà đầu tư có thể thu hồi từ Dự án đầu tư:

4.1 Chi phí thu hồi lũy kế/Giá trị đầu tư lũy kế được vốn hóa

STT	Diễn giải	Nguyên tệ	VNĐ
	Lũy kế chi phí thu hồi, giá trị vốn hóa ... của Nhà đầu tư được ghi nhận cho DADK		

4.2 Nhà đầu tư có thể thu hồi vốn đầu tư từ:

Quyền khai thác mỏ, với trữ lượng thu hồi (triệu thùng), bắt đầu sản xuất vào năm khai thác trong năm (nếu có).

V/ Công nợ

VI/ Thuyết minh báo cáo quyết toán

1- Tình hình thực hiện dự án

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư
- Những ảnh hưởng trong quá trình thực hiện dự án

2- Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án

3- Kiến nghị

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngàythángnăm.....

Nhà đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3.2: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên văn bản	Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Tổng giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					

.....ngày....tháng....năm....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nhà đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên)

Handwritten signature



Phụ lục 3.3: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ QUA CÁC NĂM

Giai đoạn	Năm	Kế hoạch năm được duyệt	Vốn đầu tư thực hiện theo nguyên tắc				Vốn đầu tư thực hiện VNĐ (tương ứng)			
			Tổng số	Vốn CSH	Vốn vay	Vốn khác	Tổng số	Vốn CSH	Vốn vay	Vốn khác
TKTD	Năm 1									
	Năm 2									
	Năm 3									
	...									
	Tổng GD									
TLPT	Năm 1									
	Năm 2									
	Năm 3									
	...									
	Tổng GD									
	Tổng cộng									

.....ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nhà đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên)

Leu

Phụ lục 3.4: CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

STT	Khoản mục	Dự toán được duyệt (*)	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán (nguyên tệ)				Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán (VNĐ)			
			Tổng số	CP được thu hồi	CP không thu hồi	CP khác	Tổng số	CP được thu hồi	CP không thu hồi	CP khác
I	Giai đoạn TKTD: - Địa chấn - Khoan - G&A - Khác									
II	Giai đoạn phát triển:									
	Tổng số									

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... Ngàythángnăm

Nhà đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Dự toán được duyệt là bản cập nhật nhất được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các Điều 6, 7 hoặc 8 của Quy định này.



PHỤ LỤC 3.5: TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN
(Tính đến ngày kết thúc dự án)

STT	Tên cá nhân, Đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị hợp đồng & các phát sinh đã được các bên chấp nhận (nếu có)	Giá trị được các bên chấp nhận thanh toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày kết thúc dự án		Ghi chú
						Phải trả	Phải thu	
1	Đơn vị A:	- -						
2	Đơn vị B:	- -						
3								

Kiểm nghị:

Ngàytháng.....năm.....

Người lập biểu (Ký, ghi rõ họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Nhà đầu tư (Ký, ghi rõ họ tên)
--	--	--



✓